



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 133 + 134

Ngày 15 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|--|----|
| 10-11-2021- | Quyết định số 3843/QĐ-UBND ban hành Phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn Thành phố. | 2 |
| 16-11-2021- | Quyết định số 3895/QĐ-UBND ban hành Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 - 2022. | 60 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3843/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án phòng, chống, ứng phó
thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn Thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 16 tháng 9 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ

tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Quyết định số 02/QĐ-TWPCCTT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai về ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng theo các cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố kết quả cập nhật phân vùng bão, xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão và phân vùng gió cho các vùng ở sâu trong đất liền khi bão mạnh, siêu bão đổ bộ;

Căn cứ Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Tờ trình số 117/TTr-PCTT ngày 25 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5208/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra trên địa bàn Thành phố.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định ban hành Phương án này

được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

**Phòng, chống, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai
trên địa bàn Thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3843/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Điều 1. Mục đích

Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là người, tài sản và các công trình trọng điểm. Kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực xung yếu, có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi thiên tai đến nơi tạm cư kiên cố, chắc chắn, nhất là đối với người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ mang thai. Chủ động phương án sẵn sàng ứng phó với thiên tai trong điều kiện dịch bệnh.

Điều 2. Yêu cầu

1. Huy động sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị; tất cả các ngành, các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm túc phương châm “bốn tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “ba sẵn sàng” (Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả).

2. Nhân dân Thành phố theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, tình hình dịch bệnh (nếu có), nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo của chính quyền, cơ quan chức năng trong suốt thời gian từ trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai; đồng thời chủ động, nâng cao ý thức tự giác tham gia cùng chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Chương II**CÁC LOẠI THIÊN TAI VÀ CẤP ĐỘ CỦA CÁC LOẠI THIÊN TAI CÓ KHẢ NĂNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ****Điều 3. Các loại thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến Thành phố**

1. Bão, áp thấp nhiệt đới.
2. Mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt và nước dâng.
3. Gió mạnh trên biển.
4. Sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất.
5. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn.
6. Lốc, sét, mưa đá và sương mù.
7. Động đất, sóng thần.
8. Cháy rừng do tự nhiên.

Điều 4. Cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng xảy ra đối với các loại thiên tai có nguy cơ ảnh hưởng đến Thành phố

1. Đối với bão: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 5.
2. Đối với áp thấp nhiệt đới: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
3. Đối với mưa lớn: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
4. Đối với lũ (xả lũ), ngập lụt: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
5. Đối với nước dâng: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
6. Đối với gió mạnh trên biển: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
7. Sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
8. Đối với nắng nóng: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
9. Đối với hạn hán: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
10. Đối với xâm nhập mặn: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
11. Cháy rừng do tự nhiên: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 5.
12. Đối với lốc, sét, mưa đá: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
13. Đối với sương mù: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.

14. Đối với động đất: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 5.

15. Đối với sóng thần: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 5.

Chương III

PHÂN CẤP TRONG CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY, ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG, ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

Điều 5. Bão và áp thấp nhiệt đới

1. Đối với bão và áp thấp nhiệt đới ở cấp độ rủi ro là cấp độ 3

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Y tế, Thanh niên xung phong, Kiểm ngư, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, xe chuyên dụng, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

2. Đối với bão ở cấp độ rủi ro là cấp độ 4

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận -

huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Y tế, Thanh niên xung phong, Kiểm ngư, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, xe lội nước, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

3. Đối với bão ở cấp độ rủi ro là cấp độ 5

Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, chỉ huy và huy động tổng lực các lực lượng của Thành phố để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 6. Mưa lớn, lũ, ngập lụt và nước dâng

1. Đối với mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: các loại ca nô, xuồng, trạm bơm, máy bơm nước và các trang thiết bị khác.

2. Đối với mưa lớn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2 và lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, trạm bơm, máy bơm nước, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết khác.

Điều 7. Gió mạnh trên biển: ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

1. Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn ven biển của huyện Cần Giờ.

3. Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, Kiểm ngư, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, huyện Cần Giờ, các xã - thị trấn của huyện Cần Giờ.

4. Phương tiện, trang thiết bị: các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

Điều 8. Sạt lở đất, sụt lún đất

1. Đối với sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1:

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, lực lượng xung

kích và các lực lượng khác của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: máy cầu, máy xúc, xà lan, ca nô, máy cắt bê tông, máy đục bê tông và các loại trang thiết bị khác.

2. Đối với sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy cầu, máy xúc, xà lan, ca nô, máy cắt bê tông, máy đục bê tông và các loại trang thiết bị khác.

Điều 9. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn

1. Đối với nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi và các lực lượng của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: trạm bơm, máy bơm nước, các hệ thống thiết bị làm mát, ngăn mặn, các thiết bị cấp nước và các trang thiết bị khác.

2. Đối với nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: trạm bơm, máy bơm nước, các hệ thống thiết bị làm mát, ngăn mặn, các thiết bị cấp nước và các trang thiết bị khác.

Điều 10. Lốc, sét, mưa đá, sương mù

1. Đối với lốc, sét, mưa đá, sương mù ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: lực lượng xung kích và lực lượng khác của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: các loại máy cắt bê tông, máy đục bê tông, cưa máy và các trang thiết bị cần thiết khác.

2. Đối với lốc, sét, mưa đá, sương mù ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: các loại xe cứu hộ, máy cật bê tông, máy đục bê tông, cưa máy và các trang thiết bị cần thiết khác.

Điều 11. Động đất, sóng thần

1. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: các trang thiết bị cứu sập đổ công trình, tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, trang thiết bị y tế và các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn khác.

2. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Y tế và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: các lực lượng chuyên trách, Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Y tế, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp

huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: các trang thiết bị cứu sập đổ công trình, tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, trang thiết bị y tế và các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn khác.

3. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 4

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: các lực lượng chuyên trách, Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Y tế, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: các trang thiết bị cứu sập đổ công trình, tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, trang thiết bị y tế và các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn khác.

4. Đối với động đất, sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 5

Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, chỉ huy và huy động tổng lực các lực lượng của Thành phố để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 12. Cháy rừng do tự nhiên

1. Đối với cháy rừng do tự nhiên ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có rừng.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có rừng.

b) Lực lượng ứng cứu: lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn thuộc Công an thành phố Thủ Đức và các huyện, Kiểm lâm, lực lượng xung kích

và các lực lượng khác của địa phương có rừng.

c) Phương tiện, trang thiết bị: xe chữa cháy, máy bơm nước và các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy khác.

2. Đối với cháy rừng do tự nhiên ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố và các đơn vị liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có rừng.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có rừng.

c) Lực lượng ứng cứu: Công an, Quân đội, Kiểm lâm, Y tế, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn thuộc Công an thành phố Thủ Đức và các huyện, Kiểm lâm, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của địa phương có rừng.

d) Phương tiện, trang thiết bị: xe chữa cháy, máy bơm nước và các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy khác.

3. Đối với cháy rừng do tự nhiên ở cấp độ rủi ro là cấp độ 4

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có rừng.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có rừng.

c) Lực lượng ứng cứu: Công an, Quân đội, Kiểm lâm, Y tế, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn thuộc Công an thành phố Thủ Đức và các huyện, Kiểm lâm, lực

lượng xung kích và các lực lượng khác của địa phương có rừng.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, xe chữa cháy, máy bơm nước và các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy khác.

4. Đối với cháy rừng do tự nhiên ở cấp độ rủi ro là cấp độ 5

Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, chỉ huy và huy động tổng lực các lực lượng của Thành phố để ứng phó, khắc phục hậu quả cháy rừng.

Điều 13. Đối với các loại thiên tai ở cấp độ rủi ro cấp 2, cấp 3: các cơ quan được phân công chỉ đạo, chỉ huy nếu vượt quá khả năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để chỉ đạo, điều hành, xử lý trong từng tình huống thiên tai.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG, ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

Điều 14. Bão và áp thấp nhiệt đới

Các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện theo Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão, bão mạnh - rất mạnh đổ bộ trực tiếp vào Thành phố ban hành tại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khi vượt quá khả năng ứng phó của Thành phố, báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

Điều 15. Mưa lớn, lũ, ngập lụt và nước dâng

1. Đối với mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án phòng, chống, ứng phó với mưa lớn, xả lũ và ngập lụt tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Đối với mưa lớn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2 và lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3

Các địa phương, đơn vị thực hiện theo Phương án chủ động phòng, chống, ứng

phổ tình trạng ngập lụt do mưa lớn, triều cường và xả lũ trên địa bàn Thành phố ban hành tại Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khi vượt quá khả năng ứng phó của Thành phố, báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

Điều 16. Gió mạnh trên biển

1. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án phòng, chống, ứng phó với gió mạnh trên biển, trong đó tập trung cho công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên biển.

2. Các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện theo Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên sông, trên biển, trong vùng nước cảng biển và công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố ban hành tại Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 17. Sạt lở đất, sụt lún đất

1. Đối với sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1:

- Thông báo thường xuyên và liên tục các vị trí bờ sông, bờ biển có nguy cơ sạt lở để người dân biết, chủ động di dời; tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân di dời ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi tạm cư an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra các trường hợp xây dựng công trình trên hành lang bảo vệ bờ sông, bờ biển; nếu phát hiện công trình, vật kiến trúc xây dựng, xâm phạm trái phép thì kiên quyết xử phạt, buộc tháo dỡ, khôi phục lại nguyên trạng; tổ chức cưỡng chế tháo dỡ nếu không chấp hành.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện xây dựng công trình phòng, chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, bờ biển đúng tiến độ.

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó với sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đất tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

2. Đối với sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất ở cấp độ rủi ro là cấp

độ 2:

a) Công tác tổ chức phòng, tránh.

- Tiến hành cấm biển cảnh báo nguy hiểm sạt lở, phân loại mức độ sạt lở và sắp xếp thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó có biện pháp xử lý sạt lở phù hợp; trong đó, ưu tiên các vị trí tập trung dân cư đông, các công trình trọng điểm, công trình phục vụ quốc phòng - an ninh; tổ chức tuyên truyền cho nhân dân sinh sống xung quanh để biết và chủ động phòng, tránh;

- Thường xuyên kiểm tra và xử lý đối với những trường hợp vi phạm, lấn chiếm trái phép hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, bờ biển và lập các bến bãi trái phép gây sạt lở trên địa bàn thành phố;

- Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; thường xuyên tổ chức kiểm tra các tuyến kè bảo vệ bờ sông, bờ biển đã được đầu tư xây dựng để kịp thời phát hiện các vị trí xuống cấp, hư hỏng và có kế hoạch duy tu, sửa chữa đảm bảo an toàn công trình nhằm phát huy hiệu quả phòng, chống sạt lở;

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án sắp xếp, bố trí dân cư phòng tránh thiên tai tại thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

b) Công tác ứng phó và khắc phục hậu quả:

Các sở - ban - ngành, đơn vị Thành phố và các địa phương theo chức năng và nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng, chống, xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn Thành phố. Trong đó, tập trung một số nhiệm vụ sau:

- Khẩn trương, kịp thời ứng cứu người, trục vớt tài sản và đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực xảy ra sạt lở, sụt lún;

- Tổ chức vận động và hỗ trợ nhân dân di dời, sơ tán ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi tạm cư an toàn; tổ chức tốt lực lượng thường xuyên chốt chặn tại các vị trí đã xảy ra sạt lở, sụt lún; kiên quyết không để người dân quay lại khu vực sạt lở, sụt lún để di dời tài sản hoặc ở lại các căn nhà có nguy cơ tiếp tục sạt lở, sụt lún; bảo vệ tài sản của hộ dân sau khi đã di dời, sơ tán.

- Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;

- Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho Nhân dân.

Điều 18. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn

1. Đối với nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

- Theo dõi chặt chẽ tình hình xâm nhập mặn tại các trạm quan trắc được bố trí tại các cửa sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Cần Giuộc, kênh Xáng, kênh Thầy Cai.

- Thông báo rộng rãi, kịp thời cho Nhân dân biết về diễn biến thời tiết, thiên tai, mức độ xâm nhập mặn, khuyến cáo người dân nuôi trồng thủy sản chủ động sử dụng nguồn nước phù hợp khi mặn tăng cao hoặc chủ động chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản phù hợp.

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó với nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Đối với nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

Các địa phương, đơn vị theo chức năng triển khai các nhiệm vụ sau:

- Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già.

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm tích trữ nguồn nước để đề phòng hiện tượng mùa khô và hạn hán kéo dài. Tận dụng nguồn nước xả đầy mặn nhà máy nước Tân Hiệp từ hồ Dầu Tiếng để lấy nước và trữ nước trên các trục kênh chính phục vụ sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có.

- Tăng cường công tác nạo vét, gia cố, duy tu sửa chữa hệ thống kênh tưới để đảm bảo đủ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt, phòng chống cháy rừng. Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng, chống hạn khi cần thiết.

- Tổ chức vận hành các công trình thủy lợi, các công lấy nước, trạm bơm nước

tưới đảm bảo điều kiện các công trình thủy lợi vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phòng chống cháy rừng, hạn chế ô nhiễm nguồn nước.

- Chủ động phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa xác định lịch xả nước của hồ Dầu Tiếng để chủ động thông báo đến các địa phương, đơn vị lấy nước, trữ nước đủ cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ các mục tiêu khác.

Điều 19. Đối với cháy rừng do tự nhiên

Khi xảy ra cháy rừng, chủ rừng, chính quyền địa phương, tổ đội xung kích chữa cháy rừng, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy nơi gần nhất, cơ quan Kiểm lâm khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ tham gia chữa cháy rừng; trong trường hợp nguy cơ xảy ra cháy lớn vượt khả năng ứng cứu của lực lượng, phương tiện tại chỗ thì người chỉ huy chữa cháy cao nhất tại hiện trường báo cáo với Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng để được chỉ đạo về lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng.

Nguyên tắc chữa cháy: phát hiện sớm, dập tắt đám cháy kịp thời triệt để không để xảy ra cháy lớn, cháy lan.

1. Các biện pháp chữa cháy rừng

a) Xây dựng và vận hành quy trình chỉ đạo điều hành và chữa cháy rừng.

b) Xây dựng lực lượng và tổ chức đội hình chữa cháy rừng. Người chỉ huy chữa cháy phải nắm vững địa bàn rừng khi xảy ra cháy rừng: địa hình, nguồn nước, hệ thống giao thông, loại cây, loại rừng, diện tích rừng dễ cháy, số lượng lực lượng tại chỗ, phương tiện, hậu cần tại chỗ và các công trình phòng cháy hiện có, khả năng ứng cứu, hỗ trợ của các địa phương liên kế.

c) Khi phát hiện đám cháy, tùy theo vị trí, tính chất, quy mô đám cháy (loại cháy, cường độ), địa hình, tốc độ gió mà huy động và tổ chức lực lượng chữa cháy cho phù hợp.

d) Nếu vượt quá tầm kiểm soát, Ban Chỉ huy cấp huyện phải báo ngay cho Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng để Trưởng ban phân công nhiệm vụ cụ thể, phát lệnh huy động nhân lực, phương tiện ứng cứu, chữa cháy rừng.

2. Các biện pháp kỹ thuật chữa cháy rừng

Khi xảy ra cháy rừng tùy tình hình thực tế có thể quyết định sử dụng các biện pháp chữa cháy thích hợp:

a) Biện pháp chữa cháy trực tiếp: sử dụng tất cả các phương tiện từ thủ công đến cơ giới tại chỗ tác động trực tiếp vào đám cháy để dập tắt lửa đối với những đám cháy diện tích nhỏ dưới 01 ha.

b) Biện pháp chữa cháy gián tiếp: dùng phương tiện, lực lượng để giới hạn đám cháy, thường được áp dụng cho các đám cháy lớn, phức tạp và diện tích đang cháy trên 01 ha và diện tích của khu rừng còn lại rất lớn.

c) Bố trí lực lượng chữa cháy:

Trong mọi tình huống các lực lượng tham gia chữa cháy luôn được phân thành những bộ phận chủ yếu, gồm: bộ phận chữa cháy, bộ phận hỗ trợ, bộ phận cứu hộ và bộ phận hậu cần với các nhiệm vụ cụ thể;

- Bộ phận chữa cháy: có nhiệm vụ trực tiếp sử dụng mọi công cụ, phương tiện và biện pháp cần thiết để khống chế và dập tắt đám cháy được triển khai thành đội hình để tác nghiệp theo sự phân công của người chỉ huy hiện trường tại thời điểm;

- Bộ phận hỗ trợ: có nhiệm vụ hỗ trợ cùng bộ phận chữa cháy trong việc dẫn đường, vận chuyển máy móc, thiết bị chữa cháy đến hiện trường, bảo vệ trật tự, dẫn đường cho lực lượng tiếp ứng, giúp đưa người và tài sản của Nhân dân nếu có ra khỏi khu vực cháy;

- Bộ phận cứu hộ: có nhiệm vụ cứu hộ, cấp cứu người bị nạn gồm nhân viên y tế của đơn vị chủ rừng và cán bộ, nhân viên của Trung tâm Y tế của địa phương được điều động đến đảm trách;

- Bộ phận hậu cần: làm nhiệm vụ tiếp nước, lương thực, nhiên liệu cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng trong trường hợp thời gian chữa cháy kéo dài.

Trong chữa cháy rừng phải đảm bảo kỹ thuật an toàn trong khi chữa cháy, phải nắm chắc đặc điểm vùng rừng dễ cháy. Công tác chuẩn bị dụng cụ, phương tiện chữa cháy phải đầy đủ và đảm bảo sử dụng tốt.

Điều 20. Lốc, sét, mưa đá, sương mù

1. Đối với lốc, sét, mưa đá ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án,

kế hoạch ứng phó với lốc, sét, mưa đá tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Đối với lốc, sét, mưa đá ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

a) Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch ứng phó với lốc, sét, mưa đá trên địa bàn Thành phố.

b) Các sở - ban - ngành, quận - huyện, phường - xã - thị trấn triển khai công tác phòng, tránh và ứng phó:

- Trên đất liền:

+ Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống nhà ở để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy, mưa đá. Ở các cửa biển, ven biển, nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi-măng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi xảy ra lốc xoáy;

+ Chặt tía cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm bợ và các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

+ Khi có lốc xoáy cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn;

+ Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến Nhân dân những bản tin dự báo, cảnh báo mưa đá để chủ động phòng, tránh an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng và các tài sản khác; hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc...;

+ Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

- Trên sông, biển:

Các cơ quan chức năng thông báo, yêu cầu và kiểm tra các chủ phương tiện tàu, thuyền hoạt động trên sông, trên biển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao và chuẩn bị đầy đủ phao cứu

sinh trên tàu, thuyền khi đang ở trên sông, trên biển;

+ Khi thấy lốc xoáy, mưa đá thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn;

+ Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu, thuyền kịp thời hỗ trợ nhau khi gặp nạn;

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

3. Đối với sương mù ở cấp độ rủi ro là cấp 1 và cấp 2

Khi có sương mù xuất hiện, người điều khiển phương tiện giao thông, tàu thuyền cần quan sát, giảm tốc độ và bật các thiết bị tín hiệu để nhận biết để lưu thông an toàn.

4. Công tác tổ chức khắc phục hậu quả

Sau khi xảy ra lốc, sét, mưa đá và tai nạn do sương mù làm hạn chế tầm nhìn gây ra, các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, thiết bị để nhanh chóng xử lý sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung một số công việc cấp thiết:

- Khẩn trương cứu nạn, cứu hộ cho người và tài sản;

- Chủ động tiến hành cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của lốc, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để Nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất;

- Khẩn trương sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định;

- Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc;

- Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;

- Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho Nhân dân.

Điều 21. Động đất, sóng thần**1. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1**

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với động đất tại địa phương. Riêng huyện Cần Giờ triển khai phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó khi có cảnh báo hoặc xảy ra sóng thần. Tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5.

Các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện theo Phương án Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành tại Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khi vượt quá khả năng ứng phó của Thành phố, báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

Điều 22. Tổ chức di dời, sơ tán dân khi có thiên tai xảy ra

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn, các cơ quan chức năng tổ chức di dời, sơ tán dân trong các nhà ở không kiên cố, có khả năng bị đổ, sập và những khu vực xung yếu để đảm bảo an toàn tính mạng cho Nhân dân.

1. Huy động lực lượng gồm: Quân sự, Bộ đội biên phòng, Công an, Y tế, Chữa thập đỏ, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích... cùng các phương tiện để giúp dân di chuyển nhanh.

2. Phân công lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trực tiếp xuống địa bàn phường - xã - thị trấn tại khu vực phải di dời, sơ tán dân và các điểm tạm cư để kiểm tra, tổ chức thực hiện kế hoạch chu đáo, an toàn.

3. Bố trí lực lượng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, hậu cần, chăm lo đời sống cho người dân... tại nơi tạm cư và bảo vệ công trình, tài sản, nhà ở của người dân tại những nơi đã di dời, sơ tán.

4. Số hộ dân, số người dự kiến di dời, sơ tán

Khi bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn Thành phố, số hộ dân, số người dự kiến di dời, sơ tán theo Phụ lục I đính kèm Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Các khu vực xung yếu và vị trí tránh trú an toàn

a) Các vị trí xung yếu:

- Đối với bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn Thành phố, các vị trí xung yếu theo Phụ lục II đính kèm Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Đối với mưa lớn, ngập lụt, lũ (xả lũ) và nước dâng, các vị trí xung yếu theo Phụ lục I đính kèm Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Đối với vị trí có nguy cơ sạt lở bờ sông (bao gồm cả kênh, rạch), bờ biển (*theo Phụ lục I đính kèm*) và theo công bố của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Các vị trí tránh trú an toàn khi xảy ra thiên tai theo Phụ lục II đính kèm Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 23. Khi xảy ra thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện ngoài việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp phòng, chống, ứng phó thiên tai được quy định ở Chương này, phải tiến hành đồng thời các nhiệm vụ, biện pháp phòng, chống, ứng phó với dịch bệnh được quy định tại Chương V Phương án này.

Chương V

CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG, ỨNG PHÓ THIÊN TAI TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH

Điều 24. Một số biện pháp phòng, chống thiên tai cần thiết thực hiện trong bối cảnh dịch bệnh

1. Trước thiên tai

a) Chủ động theo dõi sát tình hình, diễn biến thiên tai, dịch bệnh và vùng có mức độ nguy cơ dịch bệnh.

b) Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án, kịch bản phòng, chống

thiên tai đảm bảo phòng, chống dịch bệnh.

c) Xem xét quyết định thành lập Tổ công tác gồm đại diện cơ quan Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, cơ quan y tế ở các cấp để hỗ trợ thực hiện các hoạt động phòng, chống, ứng phó thiên tai, dịch bệnh; tiêm phòng và xét nghiệm các thành viên Tổ công tác, lực lượng phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

d) Rà soát, kiểm tra thông tin liên lạc (số điện thoại, email...) và thống nhất cách thức liên lạc giữa các thành viên Tổ công tác, lực lượng phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

đ) Tập huấn, huấn luyện các kiến thức, kỹ năng cơ bản về phòng, chống, ứng phó thiên tai, dịch bệnh cho Tổ công tác, lực lượng phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

e) Tuyên truyền, hướng dẫn theo nhiều hình thức cho cộng đồng (đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương) về đảm bảo an toàn thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh.

g) Cập nhật thường xuyên thông tin diễn biến thiên tai, dịch bệnh; hiểu rõ nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, phương án ứng phó thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh; sử dụng đúng hướng dẫn các phương tiện, trang thiết bị, vật tư, đồ bảo hộ y tế cần thiết được trang bị để đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh khi thực hiện nhiệm vụ.

h) Tổ chức phương án di dời, sơ tán dân, kiểm tra, đảm bảo các yêu cầu, điều kiện phòng, chống dịch bệnh theo quy định trong hoạt động sơ tán dân, diểm tránh trú thiên tai an toàn (*chi tiết theo Phụ lục II đính kèm*).

i) Bố trí, dự phòng các loại phương tiện, vật tư phòng, chống thiên tai, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh cần thiết. Lập, kiểm tra, đánh giá và báo cáo danh sách các phương tiện, vật tư phòng, chống thiên tai, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh sẵn có hoặc cần sửa chữa, bổ sung để chủ động, sẵn sàng ứng phó trong tình huống các khu điều trị, chăm sóc và khu cách ly người nhiễm bệnh dịch bị thiệt hại bởi thiên tai.

k) Chủ động dự trữ lương thực, thuốc men, nước sạch, nước sinh hoạt, xăng dầu và các vật dụng cần thiết phòng, chống dịch như khẩu trang, nước rửa tay, xịt khử khuẩn...

l) Số lượng nhu yếu phẩm phải đảm bảo đủ dùng trong khoảng thời gian tương ứng với thời gian kéo dài của những trận thiên tai đã từng xảy ra ở địa phương hoặc ít nhất phải đảm bảo trong khoảng thời gian thiên tai xảy ra mà chưa có sự cứu trợ.

m) Triển khai lực lượng canh gác, hướng dẫn đảm bảo an toàn cho người,

phương tiện tại những nơi nguy cơ rủi ro cao, thực hiện nguyên tắc “5K” (Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tụ tập - Khai báo y tế) và các quy định của ngành y tế đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh.

n) Tham gia hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình gia cố, chằng chống nhà ở...; đồng thời, tuyên truyền, hướng dẫn, nhắc nhở người dân thực hiện nguyên tắc “5K” và các quy định phòng, chống dịch bệnh của ngành y tế để vừa đảm bảo tập trung phòng, chống, ứng phó thiên tai vừa đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe cho nhân dân trong bối cảnh có dịch bệnh.

2. Trong thiên tai

a) Triển khai phương án, kịch bản đã xây dựng để điều hành, chỉ đạo, ra quyết định tại chỗ đảm bảo ứng phó theo tình hình thiên tai, dịch bệnh.

b) Theo dõi diễn biến thiên tai, kiểm tra các khu vực có nguy cơ cao, thường xuyên cập nhật thông tin thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn; thực hiện nguyên tắc “5K” và quy định đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh khi thực hiện nhiệm vụ.

c) Sơ tán khẩn cấp người tại những nơi xảy ra sự cố và các khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn. Trong quá trình sơ tán người dân cần đảm bảo yêu cầu, điều kiện phòng, chống dịch bệnh; đồng thời, bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ tài sản tại khu vực xảy ra thiên tai, dịch bệnh và tại nơi tránh trú an toàn (*chi tiết theo Phụ lục II đính kèm*).

d) Hỗ trợ các cơ quan phòng, chống dịch bệnh đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc, tiếp nhận, phân phối hàng viện trợ, cứu trợ... cho những người dân bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh.

đ) Chủ động điều phối hợp lý nguồn lực để hỗ trợ khi có yêu cầu khẩn cấp.

e) Theo dõi sát thông tin, tình hình thiệt hại (nếu có) tại các điểm tránh trú an toàn, các khu vực điều trị, chăm sóc và khu cách ly người bệnh khi thiên tai xảy ra.

g) Bố trí lều, trại, chỗ tránh mưa, nắng đảm bảo khoảng cách an toàn phòng, chống dịch bệnh cho lực lượng phòng, chống thiên tai trong các hoạt động thường trực ứng phó thiên tai.

h) Thực hiện nghiêm túc yêu cầu phòng, chống dịch bệnh cho bản thân khi thực hiện nhiệm vụ; đồng thời kiểm tra, hướng dẫn, nhắc nhở người dân thực hiện nguyên tắc “5K” và các quy định chống dịch bệnh của ngành y tế.

i) Đảm bảo phương tiện, vật tư, trang thiết bị luôn sẵn sàng để sử dụng và huy động kịp thời theo phương án ứng phó, đặc biệt phát sinh tình huống khẩn cấp. Huy động, linh hoạt sử dụng các phương tiện, vật tư phòng, chống thiên tai, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh theo kế hoạch tại địa phương.

k) Phân bổ, hỗ trợ lương thực, thuốc men, nước uống tại các điểm tránh trú an toàn và theo dõi tình hình để có thể hỗ trợ nếu có yêu cầu.

3. Sau thiên tai

a) Xét nghiệm nhanh lực lượng phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, phun khử khuẩn toàn bộ diện tích trong điểm tránh trú an toàn, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải y tế đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh theo các quy định phòng, chống dịch bệnh của ngành y tế.

b) Thu thập danh sách, thông tin và kiểm tra thân nhiệt, khai báo y tế của người dân, hướng dẫn người dân rời điểm sơ tán an toàn theo 01 chiều. Người dân tại điểm sơ tán an toàn rời trước; người dân nghi nhiễm dịch bệnh trong khu vực, phòng cách ly tạm thời rời sau.

c) Khẩn trương phối hợp thực hiện nhiệm vụ cứu chữa người bị thương, tìm kiếm người mất tích; hỗ trợ gia đình mai táng người bị thiệt mạng, thực hiện nguyên tắc “5K”, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh khi thực hiện nhiệm vụ.

d) Cung cấp lương thực, thực phẩm... thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm; hỗ trợ người dân từ nơi sơ tán trở về, sửa chữa, thu dọn nhà cửa, vệ sinh môi trường để phòng dịch bệnh; thực hiện nguyên tắc “5K”, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch, đồng thời kết hợp hướng dẫn, nhắc nhở các hộ gia đình đảm bảo phòng, chống dịch bệnh.

đ) Hỗ trợ sửa chữa, khôi phục công trình phòng, chống thiên tai, giao thông và các công trình hạ tầng công cộng; thực hiện nguyên tắc “5K”, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh khi thực hiện nhiệm vụ.

e) Đánh giá thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ, triển khai ổn định đời sống của người dân, đặc biệt lưu ý tại các khu giãn cách, cách ly phòng, chống dịch bệnh.

g) Rà soát, kiểm kê số lượng, đánh giá chất lượng các phương tiện, vật tư phòng, chống thiên tai, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh sau thiên tai để bổ sung, sửa chữa sẵn sàng cho các đợt thiên tai tiếp theo.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết sau thiên tai

trên địa bàn đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh.

Điều 25. Nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh

1. Nhiệm vụ chung

Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện phải chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp:

a) Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai và diễn biến dịch bệnh qua các phương tiện thông tin đại chúng, website của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố... để thông báo, hướng dẫn kịp thời cho các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các cấp chính quyền, Nhân dân chủ động phòng, chống, ứng phó đảm bảo an toàn hai mục tiêu kép: Chủ động phương án sẵn sàng ứng phó với thiên tai trong điều kiện dịch bệnh.

b) Sẵn sàng điều chỉnh linh hoạt kế hoạch, phương án ứng phó với thiên tai, dịch bệnh phù hợp theo hướng phát huy tối đa phương châm “4 tại chỗ” để ứng phó kịp thời, hiệu quả trong điều kiện sự hỗ trợ từ bên ngoài gặp nhiều hạn chế, đặc biệt là đảm bảo an toàn cho người dân tại các khu vực cách ly do dịch bệnh và dự kiến nơi sơ tán dân do thiên tai.

c) Tập trung rà soát, bổ sung phương án ứng phó thiên tai phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể tại địa phương, đơn vị khi có dịch bệnh xảy ra, trong đó tập trung các nội dung như sau:

- Cập nhật phương án sơ tán dân theo hướng tăng cường sơ tán tại chỗ, hạn chế sơ tán tập trung; chuẩn bị trang thiết bị, máy móc cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán. Tăng cường công tác tuyên truyền người dân cài đặt các ứng dụng hỗ trợ phát hiện, truy vết nhanh những người có nguy cơ lây nhiễm; giúp cho việc truy vết, khoanh vùng dập dịch nhanh chóng.

- Sẵn sàng phương án huy động lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu, hóa chất, chất khử trùng, khẩu trang y tế... cho các địa điểm sơ tán dân.

- Lập danh sách các lực lượng phải huy động để ứng phó thiên tai trong trường hợp dịch bệnh có khả năng diễn biến phức tạp, đặc biệt là lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cơ sở.

- Xây dựng phương án ứng phó thiên tai cho các khu cách ly tập trung, các bệnh

viện dã chiến.

- Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị, thuốc men, khẩu trang y tế... đảm bảo an toàn dịch bệnh cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp trong trường hợp phải tập trung chỉ đạo hoặc đi kiểm tra hiện trường cũng như các lực lượng được huy động tham gia công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tăng cường phương án kết nối, chỉ đạo trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin (email, phần mềm, mạng xã hội facebook, zalo, viber...) phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy điều hành ứng phó và thông tin về thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố

- Triển khai kế hoạch huy động lực lượng y - bác sỹ tham gia vào Tổ công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

- Chuẩn bị đủ cơ sở phương tiện, vật tư, thiết bị, thuốc men cần thiết để đáp ứng nhu cầu cứu thương và khắc phục hậu quả, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, cứu tế cho người dân, đặc biệt là người dân tại các điểm sơ tán dân, tránh trú an toàn.

- Huy động hóa chất khử trùng, khẩu trang y tế, trang thiết bị, máy móc cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng cho các điểm sơ tán dân, các khu tập trung lực lượng phòng, chống thiên tai.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn triển khai công tác kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh theo từng tình huống thiên tai xảy ra; hướng dẫn, phối hợp lực lượng quân đội, Tổ công tác phòng, chống thiên tai, Tổ hậu cần phường - xã - thị trấn và các đơn vị chức năng có liên quan triển khai các phương án đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh trong quá trình tổ chức cứu trợ, cung ứng hàng hóa, nhu yếu phẩm cho người dân tại các khu vực bị thiên tai.

b) Sở Công Thương phối hợp với các đơn vị, địa phương cung ứng đầy đủ hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu cho người dân trong bối cảnh xảy ra thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là các điểm sơ tán dân, khu vực bị cách ly, phong tỏa do dịch bệnh; kịp thời điều phối việc tổ chức cung ứng, phân phối hàng hóa cho người dân.

c) Bộ Tư lệnh Thành phố

- Phối hợp cùng với Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố chuẩn bị lực lượng, bố trí cán bộ, chiến sĩ sẵn sàng huy động các phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng, thông dụng để tham gia di dời, sơ tán dân, tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt là tại các khu vực xung yếu. Sẵn sàng phối hợp với các đơn vị, hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa phương khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở - ngành, đơn vị có liên quan và địa phương chuẩn bị sẵn sàng triển khai bệnh viện dã chiến khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp dịch lan rộng khi xảy ra thiên tai.

- Huy động nguồn lực tham gia hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức vận chuyển, phân phối hàng hóa, lương thực thực phẩm đến từng hộ gia đình, nhất là các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và cách ly, phong tỏa do dịch bệnh.

d) Công an Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố

- Triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của Nhân dân, Nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng khi thiên tai xảy ra để trộm cắp, cướp giật.

- Chỉ đạo các trạm, chốt tại địa phương và các lực lượng hỗ trợ, tạo điều kiện cho các phương tiện vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm cứu trợ, đảm bảo lưu thông thông suốt, kịp thời cung ứng đến người dân tại các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

đ) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Hội Chữ thập đỏ Thành phố

- Tổ chức tiếp nhận và cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại, người dân phải di dời, sơ tán, gặp khó khăn do thiên tai kết hợp dịch bệnh sớm ổn định cuộc sống.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện trong công tác điều phối, hỗ trợ các túi an sinh miễn phí đến các đối tượng gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi thiên tai kết hợp dịch bệnh.

e) Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện

- Khẩn trương triển khai đồng thời phương án chủ động phòng, chống thiên tai và phòng, chống dịch bệnh tại địa bàn mình quản lý.

- Phối hợp với lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và huy động lực lượng tại chỗ tổ chức di dời, sơ tán dân ở các khu vực xung yếu đến nơi tránh trú thiên tai an toàn, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh; cung cấp các dịch vụ hậu cần, trước hết là lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, khẩu trang, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và nơi tạm cư trong bối cảnh thiên tai kết hợp dịch bệnh.

- Triển khai ngay việc huy động lực lượng khắc phục hậu quả sau thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh; đồng thời, nắm chắc các phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hiện có do các đơn vị trực thuộc quản lý và các phương tiện, trang thiết bị trưng dụng trong Nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để kịp thời huy động ứng cứu khi cần thiết.

- Phối hợp các lực lượng y tế để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho người dân và phòng, chống dịch bệnh; tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện biện pháp phòng, chống dịch bệnh khi xảy ra thiên tai.

g) Các sở, ban, ngành, đơn vị khác theo chức năng triển khai các nhiệm vụ được giao để ứng phó với các tình huống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM PHÒNG, CHỐNG, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Điều 26. Trách nhiệm phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả đối với bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất, động đất, sóng thần

Các sở - ban - ngành, đơn vị Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện căn cứ chức năng triển khai các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 về ban hành Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão, bão mạnh - rất mạnh đổ bộ trực tiếp vào Thành phố; Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 về ban hành Phương án chủ động phòng, chống, ứng phó tình trạng ngập lụt do mưa lớn, triều cường và xả lũ trên địa bàn Thành phố; Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 về ban hành Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền

hoạt động trên sông, trên biển, trong vùng nước cảng biển và công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố; Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 về ban hành Phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần trên địa bàn Thành phố và Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng, chống, xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn Thành phố.

Điều 27. Trách nhiệm phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, lốc, sét, mưa đá, sương mù

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn để phổ biến, cảnh báo tình hình thời tiết, thiên tai đến từng địa phương; khuyến cáo, hướng dẫn người dân chủ động chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp, sử dụng các chế phẩm sinh học làm sạch môi trường nước trong ao, đầm nhằm hạn chế thay nước tránh lãng phí.

b) Thường xuyên kiểm tra hoạt động các công trình thủy lợi, các cống lấy nước đảm bảo điều kiện các công trình thủy lợi vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

b) Tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường; điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm, tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường nhằm hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

3. Các lực lượng vũ trang, gồm Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố triển khai công tác ứng phó, sơ tán dân, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ Thành phố và các bệnh viện triển khai công tác sơ cấp cứu, cứu thương, chữa trị người bị nạn do thiên tai gây ra.

5. Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi

a) Có biện pháp quản lý phân phối nước hợp lý, sử dụng nước tiết kiệm và có hiệu quả, cấp nước cho sinh hoạt và trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Thường xuyên theo dõi, phát hiện, ngăn chặn kịp thời, tham mưu, đề xuất các đơn vị chức năng xử lý các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định vào hệ thống công trình thủy lợi, gây ô nhiễm nguồn nước.

b) Thường xuyên kiểm tra, duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi, đặc biệt là các cửa cống điều tiết để hạn chế thất thoát nguồn nước.

c) Phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa trong việc tích trữ nước, mở nước đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất, ngăn mặn, có kế hoạch tích trữ nước trong nội đồng để tưới, giữ ẩm, chống cháy, tiêu xả phèn, ô nhiễm.

d) Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị và nhiên liệu sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra.

6. Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên đảm bảo an toàn hệ thống, nguồn và lượng nước sạch cung cấp cho Thành phố; dự kiến các phương án tổ chức cung cấp nước sạch kịp thời cho người dân tại các khu vực bị mất nguồn nước và nguồn nước bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện

a) Triển khai kịp thời công tác ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra trên địa bàn mình quản lý.

b) Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị và nhiên liệu sẵn sàng ứng phó kịp thời khi cần huy động.

c) Thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước để đề phòng hiện tượng mùa khô và hạn hán kéo dài. Tổ chức thông báo rộng rãi cho Nhân dân biết về tình hình, diễn biến của thời tiết, hạn hán, xâm nhập mặn để chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời; khuyến cáo, hướng dẫn người dân chủ động chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp, sử dụng các chế phẩm sinh học làm sạch môi trường nước trong ao, đầm nhằm hạn chế thay nước tránh lãng phí.

d) Các địa phương bị thiệt hại do thiên tai có trách nhiệm kiểm tra, thống kê, đánh giá (nhANH, đầy đủ, chính xác) và báo cáo cơ quan cấp trên kịp thời theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn

a) Thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại địa bàn mình quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; những vấn đề vượt thẩm quyền, Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo giải quyết.

b) Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn bị thiệt hại do thiên tai có trách nhiệm kiểm tra, thống kê, đánh giá (nhANH, đầy đủ, chính xác) và báo cáo kịp thời cho cơ quan cấp trên theo quy định.

Điều 28. Trách nhiệm phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả cháy rừng do tự nhiên

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm thường trực 24/24 giờ trong tất cả các ngày có dự báo cháy rừng từ cấp 3 trở nên, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; tiếp nhận tổng hợp tình hình, xử lý mọi thông tin về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, đề xuất những phương án, xử lý kịp thời, hiệu quả.

b) Phối hợp với Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố trong việc chỉ huy, điều hành, huy động lực lượng, phương tiện kịp thời ứng cứu, chữa cháy rừng khi xảy ra cháy lớn.

2. Công an Thành phố

a) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Thành lập, quản lý hoạt động của các đơn vị phòng cháy và chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng của cơ sở.

- Kiểm tra việc thực hiện những yêu cầu, quy định về phòng cháy và chữa cháy, xử lý các vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản, an ninh trật tự tại khu vực xảy ra cháy rừng.

b) Phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc chỉ huy, điều hành, huy động lực lượng, phương tiện kịp thời ứng cứu, chữa cháy rừng khi xảy ra cháy lớn.

3. Bộ Tư lệnh Thành phố

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an Thành phố trong việc chỉ huy, điều hành, huy động lực lượng, phương tiện kịp thời ứng cứu, chữa cháy rừng khi xảy ra cháy lớn.

b) Chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Thủ Đức và các huyện có rừng và các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn xây dựng phương án hiệp đồng trong phòng cháy, chữa cháy rừng; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện những quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng đối với những diện tích rừng được giao.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện có rừng

a) Xây dựng Kế hoạch ứng phó cháy rừng để triển khai thực hiện trên địa bàn quản lý.

b) Tổ chức xây dựng lực lượng xung kích tại chỗ, tổ chức luyện tập và chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Huy động lực lượng ứng cứu, chữa cháy rừng khi vượt quá khả năng chữa cháy của lực lượng tại chỗ.

5. Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn có rừng

a) Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục ý thức phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc chủ rừng, chủ đất có cây lâm nghiệp thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định.

c) Huy động lực lượng tại chỗ cứu chữa cháy rừng, báo cáo kịp thời diễn biến vụ cháy và đề xuất các biện pháp chữa cháy cho cấp trên quản lý trực tiếp.

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xác minh, làm rõ nguyên nhân cháy và khắc phục hậu quả sau cháy.

6. Đối với chủ rừng

a) Chủ rừng phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy,

chữa cháy rừng; chịu trách nhiệm toàn diện về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên diện tích được giao quản lý, sử dụng.

b) Thực hiện nghiêm chế độ thường trực, tuần tra canh gác tại rừng, tổ chức lực lượng chữa cháy kịp thời và báo cáo theo quy định.

c) Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, xác minh, làm rõ nguyên nhân vụ cháy rừng.

d) Có biện pháp tích cực, kịp thời khắc phục hậu quả sau cháy rừng xảy ra.

Điều 29. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố và Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời phải trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của đơn vị, địa phương mình thực hiện nhiệm vụ được phân công khi thiên tai xảy ra. Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp thực hiện theo nhiệm vụ và địa bàn được phân công phụ trách.

Điều 30. Các tổ chức, lực lượng đóng trên địa bàn Thành phố phải chịu mọi sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, đảm bảo cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất trong công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo quá trình xử lý sự cố thiên tai được kịp thời, nhanh chóng và an toàn cho Nhân dân.

Điều 31. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Điều 32. Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn căn cứ Phương án này rà soát, xây dựng Phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tại địa phương, đơn vị mình.

Chương VII**LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG, CHỐNG, ỨNG PHÓ THIÊN TAI****Điều 33. Lực lượng**

Lực lượng dự kiến huy động từ các cấp, các ngành tham gia công tác phòng, chống, ứng phó khi xảy ra thiên tai đảm bảo gần khoảng 30.000 người. Trong đó, lực lượng nòng cốt của Thành phố Hồ Chí Minh là 4.240 người; lực lượng của thành phố Thủ Đức và các quận - huyện là 9.356 người; lực lượng các phường - xã - thị trấn là 16.020 người. Tùy theo tình hình diễn biến và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương theo yêu cầu (*chi tiết theo Phụ lục III đính kèm*).

Điều 34. Phương tiện, trang thiết bị

Phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động để phòng, chống, ứng phó với thiên tai gồm có phương tiện, trang thiết bị cơ động, chi viện của các sở, ngành, đơn vị Thành phố và phương tiện, trang thiết bị tại chỗ của thành phố Thủ Đức và các quận - huyện (*chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm*).

Phương án này được phổ biến đến các cấp, các ngành, thông tin rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân, các đơn vị, doanh nghiệp và đăng tải trên trang web của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (địa chỉ: <http://www.phongchonglutbaotphcm.gov.vn> mục Phòng chống thiên tai/Phương án)/.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục I**Các vị trí có nguy cơ sạt lở trên địa bàn Thành Phố**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Vị trí sạt lở	Tuyến sông, kênh, rạch	Phạm vi sạt lở (m) Dài x Rộng	Đánh giá mức độ sạt lở	Ghi chú
1	Bờ trái, cầu Phước Lộc về phía hạ lưu +1.000m, xã Phước Kiên (vị trí này được lập thành 02 dự án)	Rạch Ông Lớn 2 - Phước Kiểng - Mương Chuối	415 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	- Khu vực đông dân cư - Đã vận động 18/24 hộ dân bàn giao mặt bằng - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
2	Bờ trái, thượng lưu ngã 3 Kinh Lộ đến ngã Tắc Mương Lớn, xã Hiệp Phước	Rạch Giồng - Sông Kinh Lộ	809 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	- 200m gần cầu Kênh Lộ có 15 hộ dân, cách bờ 10m - Đoạn 1: vận động bàn giao mặt bằng, còn 01 hộ chưa bàn giao - Đoạn 2: còn 191m chưa đồng ý bàn giao - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
3	Bờ trái từ cầu Long Kiên về thượng lưu 100m, về hạ lưu 630m	Sông Phước Kiểng	630 x 10	Nguy hiểm	- Khu vực có nhiều cụm dân cư sát bờ (47 hộ dân chưa chấp thuận di dời) - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
4	Bờ phải, thượng lưu cầu Phước Lộc	Rạch Ông Lớn 2 - Phước Kiểng - Mương Chuối	247 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	- Đây là khu vực tập trung dân cư - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
5	Bờ phải từ cầu Long Kiên về thượng lưu 146m	Sông Phước Kiểng	146 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	- Còn nhiều cụm dân cư sát bờ (vướng 27 hộ) - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt l

6	Km 03+150. ngay Cầu tàu Bến Đò ấp 3, xã Hiệp Phước	Rạch Giồng - Sông Kinh Lộ	600 x 3	Nguy hiểm	- Khu vực bên đò; - Ảnh hưởng 01 hộ dân đang sinh sống; 02 trụ điện
7	Bờ phải Km 3+600 thuộc tổ 3, ấp 4, xã Hiệp Phước	Rạch Giồng - Sông Kinh Lộ	520 x 3	Nguy hiểm	- Ảnh hưởng 01 hộ dân đang sinh sống
8	Rạch Giồng, bờ phải, từ rạch Gò Me đến tiếp giáp kè tổ 3, ấp 4	Rạch Giồng	480 x 2	Nguy hiểm	- Ảnh hưởng khoảng 22 hộ dân; - Vị trí đã xảy ra sạt lở vào ngày 25/11/2018 đoạn giáp kè Trung tâm Quản lý đường thủy làm chủ đầu tư - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
9	Bờ phải rạch Bàu Le (thượng lưu cầu Bàu Le), xã Hiệp Phước	Rạch Bàu Le	150 x 5	Nguy hiểm	- Ảnh hưởng 05 hộ dân - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
10	Tắc Sông Chà, bờ phải, giao với sông Soài Rạp về hạ lưu Tắc Sông Chà	Tắc Sông Chà	160 x 10	Nguy hiểm	- Khu vực đất sản xuất nông nghiệp, đã di dời dân - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
11	Kênh Bà Tổng, bờ phải, hạ lưu cầu Bà Tổng, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ	Kênh Bà Tổng	30 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	- Khu vực tập trung đông dân cư
12	Km00+500, bờ trái tuyến Tắc An Nghĩa (cách hạ lưu cầu An Nghĩa khoảng 400m), ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông	Tắc An Nghĩa	60 x 20	Đặc biệt nguy hiểm	- Khu vực tập trung đông dân cư đang vướng mặt bằng 03 hộ - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
13	Rạch Mốc Keo, bờ phải, khu dân cư An Hòa, xã Tam Thôn Hiệp	Rạch Mốc Keo	150 x 2	Nguy hiểm	- Hiện trạng bờ rạch sạt lở, dân cư sinh sống sát bờ rạch (khoảng 150 hộ) - Đã được lắp đặt biển

					cảnh báo sạt lở
14	Sông Lòng Tàu, khu vực đường thủy số 5, xã Tam Thôn Hiệp (từ trạm đường thủy số 5 đến rạch Tắc Cát)	Sông Lòng Tàu	328 x 20	Nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Bên trong là khu dân cư và trục chính đường Tam Thôn Hiệp, phía ngoài là trụ sở của Trạm đường thủy số 5; - Ảnh hưởng 20 hộ dân. - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
15	Sông Lòng Tàu, tổ 37, ấp Trần Hưng Đạo, xã Tam Thôn Hiệp (đoạn từ kè đá tổ 39, ấp Trần Hưng Đạo đến nhà ông Tư Châm)	Sông Lòng Tàu	614 x 35	Nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Sạt lở làm biến cảnh báo sạt lở bị sạt xuống sông; - Bên trong là khu dân cư và trục chính đường Tam Thôn Hiệp; - Ảnh hưởng 40 hộ dân. - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở.
16	Kênh Bà Tổng, ấp An Hòa, xã An Thới Đông (khu vực kè Bà Tổng đến nhà ông Nguyễn Văn Năm)	Kênh Bà Tổng	874 x 10	Nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Bên trong là khu dân cư và đường bê tông nông thôn - Ảnh hưởng 50 hộ dân - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
17	Rạch Xóm Củi, bờ trái, thượng lưu cầu Xóm Củi +100m, xã Bình Hưng	Rạch Xóm Củi	570 x 2	Đặc biệt nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Đây là khu dân cư tập trung 146 hộ (có 25 hộ dân nằm trong vùng sạt lở nguy hiểm cần di dời khẩn cấp) - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
18	Bờ phải sông Cần Giuộc ấp 2 xã Qui Đức (phía sau trụ sở UBND xã Qui Đức)	Sông Cần Giuộc	200 x 7	Nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Nằm trong khu vực có 20 hộ dân sinh sống - UBND huyện đã ra thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở.

19	Bờ phải sông Chợ Đệm - Bến Lức, xã Tân Kiên	Sông Chợ Đệm - Bến Lức	30 x 4	Đặc biệt nguy hiểm	- Khu vực có 02 nhà sống ven sông - Phạm vi ảnh hưởng chiều dài dọc bờ là 5m - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
20	Sông Sài Gòn, bờ trái, hạ lưu cách cầu Sài Gòn 500m, phường Bình An	Sông Sài Gòn	180 x 10	Nguy hiểm	Đây là khu dân cư tập trung, có nhiều hộ dân xung quanh bị ảnh hưởng (11 hộ di dời)
21	Sông Sài Gòn, bờ trái, đối diện nhà 16/5 đến 16/13 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền	Sông Sài Gòn	100 x 10	Nguy hiểm	- Đây là khu dân cư tập trung (08 hộ di dời)
22	Rạch Giồng Ông Tố, bờ phải, thượng và hạ lưu cầu Giồng Ông Tố 1, phường An Phú	Rạch Giồng Ông Tố	150m mỗi bên mô cầu	Đặc biệt nguy hiểm	Đây là khu dân cư tập trung, có nhiều hộ dân xung quanh bị ảnh hưởng (19 hộ)
23	Rạch Giồng Ông Tố, bờ trái, thượng và hạ lưu cầu Giồng Ông Tố 1, P. Bình Trưng Tây				
24	Bờ trái sông Sài Gòn (cách cầu Sài Gòn 4,5km về phía thượng lưu thuộc khu đất số 61 đường Trần Ngọc Diện, phường Thảo Điền)	Sông Sài Gòn	100 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	01 hộ và khu đất của Văn phòng Thành ủy - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
25	Sông Đồng Nai, bờ phải, đoạn từ phà Cát Lái về phía hạ lưu đến xưởng đóng tàu Saigon Shipyard, thuộc phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2	Sông Đồng Nai	225 x 5	Nguy hiểm	- Một số hộ dân xây dựng nhà sàn sát mép sông, có hiện tượng lún, nứt nghiêng ra sông - Ảnh hưởng trực tiếp 30 hộ dân - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở

26	Sông Sài Gòn - ngã ba sông Sài Gòn - thượng lưu kênh Thanh Đa đến xưởng cơ khí Tiền Phong	Sông Sài Gòn	2.797 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	- Đây là khu dân cư tập trung, có nhiều hộ dân bị ảnh hưởng - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
27	Sông Sài Gòn, từ xưởng cơ khí Tiền Phong đến ngã ba rạch Chùa	Sông Sài Gòn	4.270 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	- Đây là khu dân cư tập trung, có nhiều hộ dân bị ảnh hưởng - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
28	Sông Sài Gòn, từ rạch Chùa đến ngã ba sông Sài Gòn - hạ lưu kênh Thanh Đa	Sông Sài Gòn	2.772 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	- Khu dân cư tập trung (khu vực biệt thự Lý Hoàng, có 3 hộ dân bị ảnh hưởng) - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
29	Sông Sài Gòn, bờ phải, từ ngã 3 kênh Thanh Đa - sông Sài Gòn về phía hạ lưu 550m	Sông Sài Gòn	100 x 7	Nguy hiểm	- Đây là khu vực đất quốc phòng (Kho xăng dầu VK 102 Phường 25 do Bộ tư lệnh Quân khu 7 quản lý); - Thượng lưu tiếp giáp Bờ kè Thanh Đa 1.1; hạ lưu tiếp giáp khu dân cư và khu đất của Công ty than miền Nam
30	Sông Sài Gòn, bờ trái, khu vực ký túc xá Đại học Mỹ Thuật, phường Hiệp Bình Chánh	Sông Sài Gòn	150 x 5	Nguy hiểm	- Đây là khu vực tập trung dân cư - Có 2 nhà dân lân cận bị ảnh hưởng
31	Sông Sài Gòn, bờ trái, khu vực đình Bình Phước, ngã ba rạch Vĩnh Bình - sông Sài Gòn, khu phố 1, phường Hiệp Bình Phước		250 x 10		- Đây là khu dân cư tập trung - Có 2 nhà dân bị ảnh hưởng - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở

32	Sông Sài Gòn, bờ trái, khu vực nhà thờ Fatima, phường Hiệp Bình Chánh	Sông Sài Gòn	300 x 10	Nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà dân cách khu vực sạt lở khoảng 15m, có công trình kê của nhà thờ Fatima lân cận (80 hộ ảnh hưởng) - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở
33	Kênh Tàu Hủ - Lò Gốm, trước kho 277 - 289, Bến Bình Đông, phường 14	Kênh Tàu Hủ - Lò Gốm	100 x 2	Nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ảnh hưởng: chiều dài dọc bờ là 100m - Trước khu vực này có đường Bến Bình Đông, xe cộ thường xuyên qua lại
34	Bờ phải rạch Tra, xã Tân Hiệp	Rạch Tra	02 đoạn: mỗi đoạn= 30 x 8	Nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường giao thông vào HTX thực phẩm Tân Hiệp - Cách đường khoảng 8m có một số hộ dân
35	Sông Sài Gòn, gói thầu 4A, dự án công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn	Sông Sài Gòn	100 x 3	Nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng khoảng 69ha và 726 hộ dân với 2.600 nhân khẩu thuộc ấp 3, xã Nhị Bình - Đã được lắp đặt biển cảnh báo sạt lở

Phụ lục II

Tổ chức sơ tán dân và kiểm tra các điểm tránh trú an toàn phòng, chống thiên tai, dịch bệnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. Điểm tránh trú an toàn

a) Vị trí điểm tránh trú an toàn

- Gần nơi ở của người dân dự kiến sơ tán tránh trú.
- An toàn trước cấp gió (đối với bão, áp thấp nhiệt đới); không nằm vùng trũng thấp (đối với xả lũ, ngập lụt, nước dâng); không gần khu vực ven biển (đối với sóng thần)...
- Đường đến điểm sơ tán không bị ngập lụt...

b) Lưu ý tại điểm tránh trú an toàn:

- Diện tích đủ rộng để đảm bảo khoảng cách an toàn phòng, chống dịch bệnh.
- Bố trí tại điểm tránh trú: diện tích 01 vị trí là 1,2m x 2m (đảm bảo sinh hoạt và nghỉ ngơi); khoảng cách giữa 02 vị trí tối thiểu 2m.
- Lập biển chỉ dẫn lối đi sơ tán và di chuyển 01 chiều trong điểm tránh trú an toàn.
- Lập sơ đồ vị trí, tên, địa chỉ, số điện thoại người dân để phục vụ quản lý, giám sát phòng dịch tại điểm tránh trú.
- Có quạt thông gió hoặc ô thông gió trên cao để đảm bảo thông thoáng nhưng an toàn khi thiên tai xảy ra (bão, áp thấp nhiệt đới, ngập lụt...).
- Có lối đi cho người khuyết tật đảm bảo đúng kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng (nếu chưa đáp ứng được điều kiện phải có giải pháp hỗ trợ).
- Hạn chế sử dụng điểm tránh trú có nhiều cửa kính dễ vỡ, vỡ do vật cứng va đập. Nếu phải sử dụng, phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân (không để người dân nằm dưới cửa kính, gia cố ván gỗ che kín cửa kính và chằng chống chắc chắn).

- Sàn nhà không trơn, trượt; nếu có điểm trơn trượt phải có biển cảnh báo cho người dân.

- Tại mỗi cửa ra, vào nơi người dân tránh trú, bố trí nước rửa tay sát khuẩn hoặc nước rửa tay, bình nước, khăn lau. Treo hướng dẫn người dân rửa tay đúng cách phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan y tế.

- Bố trí bàn làm việc tại lối đi vào điểm tránh trú để thực hiện các hoạt động phòng ngừa dịch bệnh: đo thân nhiệt, khai báo y tế, phát khẩu trang (nếu người dân chưa có), rửa tay sát khuẩn và phát tờ thông báo các quy định người dân phải thực hiện phòng, chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.

- Bố trí treo các bảng thông báo, hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh lên tường tại khu người dân tập trung (quy định phòng, chống dịch bệnh; thông điệp “5K”; phương pháp rửa tay đúng cách; phương pháp dùng khẩu trang đúng cách...).

- Khu vệ sinh cá nhân:

+ Vị trí nằm trong hoặc gần khu người dân tập trung tránh trú. Trong trường hợp nằm tách biệt, xa hoặc ngoài trời thì cần có biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân, đặc biệt với phụ nữ, trẻ em gái, đối tượng dễ bị tổn thương.

+ Có giấy vệ sinh, nước sạch, nước rửa tay, nước khử khuẩn sàn và thiết bị vệ sinh.

+ Phòng vệ sinh phải thông thoáng (quạt thông gió hoặc ô thông gió trên cao).

+ Sàn nhà không trơn, trượt; nếu có điểm trơn trượt phải có biển cảnh báo cho người dân.

+ Lối vào, vị trí đặt thiết bị vệ sinh, rửa tay đảm bảo tiếp cận cho người khuyết tật (trong trường hợp điều kiện chưa đáp ứng phải có giải pháp hỗ trợ).

- Phòng cách ly tạm thời được sử dụng trong trường hợp phát hiện người nghi nhiễm hoặc có triệu chứng nhiễm dịch bệnh, có F0 tại điểm tránh trú an toàn. Phòng cách ly tạm thời cần xem xét:

+ Vị trí phòng bố trí cách biệt, có lối đi riêng.

+ Diện tích đặt 02 giường cho bệnh nhân, bàn và không gian làm việc cho cán bộ y tế.

+ Có biển (KHU VỰC CÁCH LY) đặt bên ngoài và rào chắn để người dân và trẻ em không đi vào khu vực.

- Bố trí bếp nấu nướng phục vụ ăn uống của người dân và lực lượng canh trực tại điểm tránh trú.

- Phòng tắm: vị trí nằm trong hoặc gần khu người dân tập trung tránh trú. Trong trường hợp nằm tách biệt, xa hoặc ngoài trời thì cần có biện pháp đảm bảo an toàn cho người dân, đặc biệt với phụ nữ, trẻ em gái, đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Sơ tán dân

- Lập danh sách và thông báo (qua loa phát thanh, loa cầm tay, phát tờ thông báo đến từng hộ dân, tin nhắn...) với người dân vị trí điểm tránh trú an toàn, lối đi an toàn để người dân chủ động thực hiện khi có lệnh sơ tán. Đối với đối tượng dễ bị tổn thương, cần hỗ trợ, phải lập danh sách, phân công lực lượng hỗ trợ và thông báo cho người dân (cung cấp tên, số điện thoại cán bộ hỗ trợ người dân).

- Phân luồng, người cách người 2m và bố trí người dân đến đúng vị trí đã được bố trí.

- Trong lúc đi sơ tán người dân cần đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh (đeo khẩu trang, giữ khoảng cách...).

- Tại các vùng có nguy cơ dịch bệnh cao và rất cao, xem xét việc xét nghiệm nhanh ngẫu nhiên người dân tại điểm tránh trú an toàn (có thể xét nghiệm gộp mẫu).

3. An ninh, trật tự

Đảm bảo an ninh, trật tự trong thời gian người dân sơ tán tại điểm tránh trú an toàn; đặc biệt sẵn sàng tình huống:

- Hoạt động gây rối, mất trật tự, an ninh của người dân tại điểm tránh trú (tranh cãi, tranh chấp, đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau...).

- Hành động gây rối, hoảng loạn, lo lắng khi phát hiện người nghi hoặc có triệu chứng nghi nhiễm, có F0 tại điểm tránh trú an toàn.

4. Vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh

- Quy định và hướng dẫn người dân vứt rác đúng vị trí, đúng thùng hoặc túi phân loại rác (rác sinh hoạt, rác y tế). Tất cả khẩu trang y tế đã qua sử dụng phải đựng trong thùng hoặc túi đựng rác thải y tế.

- Vị trí để thùng hoặc túi rác đặt ở vị trí thuận lợi đi lại cho người dân, không quá xa nơi ở của người dân, không gần hoặc đi qua phòng cách ly tạm thời, không bị ngập nước (đặt cao, khô ráo) và có biển ghi “KHU ĐỂ RÁC”.

- Thùng hoặc túi đựng rác phải ghi rõ “Rác sinh hoạt”, “Rác y tế” và có nắp đậy kín (đối với thùng) hoặc buộc kín (đối với túi).

- Thu gom, xử lý rác thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cơ quan y tế.

5. Vật tư phòng, chống dịch bệnh

Ngoài các vật tư phục vụ phòng, chống thiên tai, một số vật tư thiết yếu, bao gồm:

- Phòng, chống dịch bệnh:

+ Nước rửa tay sát khuẩn.

+ Nước rửa tay có độ cồn trên 60%.

+ Khẩu trang y tế hoặc khẩu trang vải.

+ Nước súc họng (nước muối sinh lý 9‰).

+ Thuốc nhỏ mũi.

+ Bộ bảo hộ phòng chống dịch (bộ mũ, áo, quần chống dịch cấp độ 3-4; kính bảo hộ; tấm che mặt; găng tay y tế; bao giày; khẩu trang) đối với cán bộ y tế; cán bộ quản lý, giám sát điểm tránh trú; người nghi hoặc có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh tại phòng cách ly tạm thời (đặc biệt đối với điểm tránh trú an toàn trong khu vực có mức độ nguy cơ dịch bệnh cao, rất cao hoặc đã có dịch bệnh).

- Vệ sinh trong sinh hoạt:

+ Xà phòng hoặc nước rửa tay.

+ Giấy vệ sinh.

+ Nước khử khuẩn sàn và thiết bị vệ sinh.

+ Thùng, túi đựng rác thải.

6. Phương tiện

Ô tô chuyên chở người nghi hoặc có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh, F0 đảm bảo yêu cầu phòng, chống dịch bệnh đến khu cách ly, khu chăm sóc, điều trị.

7. Trang thiết bị y tế

- Thiết bị đo thân nhiệt.

- Các thiết bị tối thiểu (theo hướng dẫn của cơ quan y tế) xử lý trường hợp xuất hiện người nghi hoặc có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh, có F0 tại phòng cách ly

tạm thời trước khi đưa đến khu cách ly, khu chăm sóc, điều trị.

8. Tài liệu phục vụ phòng, chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn

- Mẫu khai báo y tế theo quy định của Bộ Y tế.
- Danh sách người dân tại điểm tránh trú an toàn: tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại, thời gian đến điểm tránh trú, thân nhiệt, tình hình sức khỏe.
- Bảng theo dõi thân nhiệt người dân trong thời gian sơ tán tại điểm tránh trú an toàn theo từng ngày (có thể kiểm tra thân nhiệt ngẫu nhiên).
- Sơ đồ vị trí người dân tránh trú.
- Thông báo các quy định người dân phải thực hiện phòng, chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.
- Thông báo, hướng dẫn treo tường:
 - + Hướng dẫn rửa tay đúng cách phòng, chống dịch bệnh.
 - + Quy định phòng, chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.
 - + Thông điệp “5K”.
 - + Hướng dẫn sử dụng khẩu trang đúng cách phòng, chống dịch bệnh.
- Biển chỉ dẫn, cảnh báo tại phòng cách ly tạm thời, khu vệ sinh, khu tắm, các điểm trơn, trượt nguy hiểm, hướng di chuyển, khu để rác (rác sinh hoạt, rác y tế).

9. Hậu cần

- Nước sạch đảm bảo cho người dân tại nơi sơ tán.
- Bổ sung lương thực, thực phẩm và thuốc tăng cường sức khỏe, sức đề kháng cho người dân. Đối với phụ nữ mang thai, người cao tuổi, người mắc bệnh mãn tính cần lưu ý lương thực, thực phẩm có đủ chất: chất đạm, vitamin C, vitamin D, vitamin E, selen, sắt, kẽm, thực phẩm chứa flavonoid và omega3.

Phụ lục III**Lực lượng dự kiến huy động**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	LỰC LƯỢNG	CẤP THÀNH PHỐ	CẤP HUYỆN	CẤP XÃ	TỔNG CỘNG
1	Quân sự	740	2.856	3.220	6.816
2	Bộ đội biên phòng	400			400
3	Công an	1.100	2.000	600	3.700
4	Y tế	500	1.100		1.600
5	Hội Chữ thập đỏ	100	900		1.000
6	Doanh nghiệp Công ích		1.000		1.000
7	Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị	400			400
8	Công ty TNHH MTV QL KT dịch vụ Thủy lợi	200			200
9	Thanh niên xung phong	800			800
10	Lực lượng xung kích		1.500	12.200	13.700
Tổng cộng các lực lượng		4.240	9.356	16.020	29.616

Phụ lục IV**Phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng huy động phục vụ phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
1	Ca nô	chiếc	86	BCH Bộ đội biên phòng TP (37); Bộ Tư lệnh TP (5); Công an TP (5); Lực lượng TNXP TP (2); Cảng vụ Hàng hải (5); Chi cục Thủy sản (1); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (1); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (3); TP.Thủ Đức (5); Quận 8 (1); Quận 12 (1); Gò Vấp (1); Cần Giờ (14); Nhà Bè (3); Bình Chánh (2).
2	Xuồng cứu hộ	chiếc	50	Bộ Tư lệnh TP (2); Công an TP (12); Lực lượng TNXP TP (7); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (1); Quận 7 (1); Quận 8 (1); Quận 12 (5); Hóc Môn (1); Tân Phú (1); Cần Giờ (9); Nhà Bè (3); Bình Chánh (7).
3	Ghe cứu hộ	chiếc	53	Công an TP (2); Lực lượng TNXP TP (3); Cần Giờ (48).
4	Tàu kéo	chiếc	2	Lực lượng TNXP TP (2).
5	Tàu tìm kiếm cứu nạn	chiếc	10	Cảng vụ Hàng hải TP (1); BCH Bộ đội biên phòng TP (2); Chi cục Thủy sản (2); Cần Giờ (5).
6	Phà	chiếc	20	Lực lượng TNXP TP (20).
7	Xe 04-29 chỗ	chiếc	75	Sở Y tế (2); Sở Xây dựng (1); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (31); Quận 8 (2); Quận 4 (1); Bình Tân (2); Nhà Bè (10); Hóc Môn (26 chiếc).

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
8	Xe tải	chiếc	114	TP. Thủ Đức (23); Công an TP (2); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (4); Bộ Tư lệnh TP (2); Quận 1 (7); Quận 3 (4); Quận 4 (2); Quận 7 (6); Quận 8 (2); Quận 10 (5); Quận 12 (1); Cần Giờ (54); Bình Chánh (2).
9	Xe cứu hộ	chiếc	26	Công an TP (4); Sở Y tế (10); Bộ Tư lệnh TP (1); Quận 4 (1); Quận 11 (10).
10	Xe cứu thương	chiếc	13	TP. Thủ Đức (2); Bộ Tư lệnh TP (1); Công an TP (2); Hội Chữ thập đỏ (1); Quận 3 (2); Bình Tân (1); Cần Giờ (4).
11	Xe cứu hoả các loại	chiếc	81	Công an TP (18); Bộ Tư lệnh TP (3); TP Thủ Đức (10); Quận 4 (7); Quận 11 (11); Bình Thạnh (12); Cần Giờ (3); Nhà Bè (7); Tân Phú (10).
12	Xe chuyên dụng các loại	chiếc	67	TP. Thủ Đức (20); Công an TP (7); Lực lượng TNXP TP (1); Bộ Tư lệnh TP (4); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (4); Quận 4 (1); Quận 7 (4); Quận 10 (6); Cần Giờ (11); Nhà Bè (2).
13	Máy phát điện	cái	274	TP. Thủ Đức (31); BCH Bộ đội biên phòng TP (3); Công an TP (85); Bộ Tư lệnh TP (1); Lực lượng TNXP TP (12); Cảng vụ Hàng hải TP (6); Chi cục Thủy sản (2); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (8); Sở Lao động TBXH (23); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (1); Quận 1 (3); Quận 3 (1); Quận 4 (8); Quận 6 (3); Quận 7 (8); Quận 8 (2); Quận 10 (6); Quận 11 (7); Quận 12 (11); Bình Tân (3); Hóc Môn (4); Tân Bình (6); Tân Phú (16); Phú Nhuận (6); Gò Vấp (1); Cần Giờ (22); Nhà Bè (6); Bình Chánh (4).
14	Máy bơm nước	cái	323	TP. Thủ Đức (30); Công an TP (5); Bộ Tư lệnh TP (2); Lực lượng TNXP TP (15); Chi cục Thủy sản (2); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (35); Sở Lao động TBXH (140); Quận 4 (15); Quận 6 (1); Quận 7 (3); Quận 8 (11);

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
				Quận 10 (7); Quận 11 (3); Quận 12 (14); Củ Chi (9); Tân Phú (6); Tân Bình (2); Gò Vấp (7); Cần Giờ (4); Nhà Bè (5); Bình Chánh (13).
15	Máy cắt bê tông	cái	90	TP.Thủ Đức (3); BCH Bộ đội biên phòng TP (3); Bộ Tư lệnh TP (2); Công an TP (18); Quận 1 (3); Quận 6 (11); Quận 7 (5); Quận 8 (1); Quận 10 (4); Quận 12 (5); Bình Tân (5); Hóc Môn (1); Củ Chi (1); Tân Bình (7); Tân Phú (2); Phú Nhuận (5); Cần Giờ (6); Nhà Bè (5); Bình Chánh (3).
16	Máy khoan đục bê tông	cái	112	TP.Thủ Đức (18); Công an TP (14); Bộ Tư lệnh TP (1); Lực lượng TNXP TP (2); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (4); Sở Lao động TBXH (5); Quận 1 (2); Quận 4 (12); Quận 7 (3); Quận 8 (5); Quận 10 (4); Quận 12 (8); Tân Bình (4); Bình Tân (3); Phú Nhuận (5); Cần Giờ (10); Nhà Bè (6); Bình Chánh (3); Tân Phú (1).
17	Máy hàn cắt kim loại	cái	23	Lực lượng TNXP TP (2); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (9); Sở Lao động TBXH (12).
18	Máy bộ đàm	cái	396	TP.Thủ Đức (17); Lực lượng TNXP TP (158); Chi cục Thủy sản (6); Quận 3 (2); Quận 4 (42); Quận 6 (13); Quận 7 (40); Quận 8 (10); Quận 10 (30); Quận 12 (10); Tân Bình (10); Tân Phú (3); Phú Nhuận (10); Cần Giờ (33); Nhà Bè (2); Bình Chánh (10).
19	Máy vô tuyến	cái	15	BCH Bộ đội Biên phòng TP (13); Chi cục Thủy sản (2)
20	Điện thoại vệ tinh	cái	39	Thành ủy (4); Ủy ban nhân dân Thành phố (3); Bộ Tư lệnh Thành phố (3); Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng TP (3); Công an TP (5); Lực lượng Thanh niên Xung phong TP (1); Văn phòng Thường trực Ban CHPCTT và TKCNTP (3); Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam (1); Đài Khí

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
				tượng thủy văn Khu vực Nam bộ (1); Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh (1); Tổng công ty Điện lực Thành phố TNHH (1); Chi cục Thủy sản (1); Sở Xây dựng (1); Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4) ; Sở Công Thương (1) ; Sở Y tế (1); Sở Tài Chính (1); Sở Giao thông Vận tải (1); Sở Thông tin truyền thông (2); Sở Tài nguyên và Môi trường (1); Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ (2)
21	Súng bắn pháo hiệu	cái	3	BCH Bộ đội Biên phòng TP (3)
22	Đạn pháo hiệu	cái	255	BCH Bộ đội Biên phòng TP(255).
23	Máy nén PDS185	cái	1	Bộ Tư lệnh TP (1).
24	Máy soi đa chiều	cái	1	Bộ Tư lệnh TP (1).
25	Máy soi dưới nước	cái	3	TP.Thủ Đức (2); Bộ Tư lệnh TP (1).
26	Thiết bị cứu hộ trong không gian hẹp	cái	1	Bộ Tư lệnh TP (1).
27	Máy thở oxy khẩn cấp	cái	2	Bộ Tư lệnh TP (2).
28	Khí tài phòng độc	cái	1	Bộ Tư lệnh TP (1).
29	Máy đo độ sâu	cái	1	Cảng vụ Hàng hải TP (1).
30	Máy cắt sắt	cái	15	BCH Bộ đội biên phòng TP (2); Công an TP (5); Lực lượng TNXP TP (1); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (1); Quận 7 (1); Quận 11 (1); Phú Nhuận (2); Nhà Bè (1); Gò Vấp (1).

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
31	Cửa máy cầm tay các loại	cái	313	TP.Thủ Đức (45); BCH Bộ đội biên phòng TP (1); Công an TP (6); Lực lượng TNXP TP (3); Sở Lao động TBXH (10); Quận 1 (3); Quận 3 (2); Quận 4 (27); Quận 6 (10); Quận 7 (23); Quận 8 (9); Quận 10 (8); Quận 11 (5); Quận 12 (12); Bình Tân (19); Bình Thạnh (9); Củ Chi (12); Tân Bình (11); Tân Phú (11); Phú Nhuận (4); Gò Vấp (6); Cần Giờ (33); Nhà Bè (14); Bình Chánh (24); Hóc Môn (6).
32	Áo phao	cái	18.449	TP.Thủ Đức (1.720); BCH Bộ đội biên phòng TP (1138); Bộ Tư lệnh TP (470); Công an TP (2192); Lực lượng TNXP TP (895); Chi cục Thủy sản (600); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (140); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (40); Quận 1 (211); Quận 3 (205); Quận 4 (498); Quận 6 (420); Quận 7 (764); Quận 8 (621); Quận 10 (174); Quận 11 (156); Quận 12 (772); Bình Tân (340); Hóc Môn (400); Củ Chi (307); Tân Bình (170); Tân Phú (110); Phú Nhuận (250); Cần Giờ (4.029); Nhà Bè (949); Bình Chánh (719); Gò Vấp (310).
33	Phao tròn	cái	10.525	TP.Thủ Đức (623); BCH Bộ đội biên phòng TP (920); Bộ Tư lệnh TP (560); Công an TP (1795); Lực lượng TNXP TP (40); Chi cục Thủy sản (411); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (10); Quận 1 (109); Quận 3 (39); Quận 4 (247); Quận 6 (50); Quận 7 (532); Quận 8 (650); Quận 10 (10); Quận 11 (75); Quận 12 (100); Bình Tân (260); Hóc Môn (170); Củ Chi (248); Tân Bình (110); Tân Phú (80); Phú Nhuận (250); Cần Giờ (1450); Nhà Bè (892); Bình Chánh (595); Gò Vấp (230).

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
34	Phao bè	cái	172	TP.Thủ Đức (31); BCH Bộ đội biên phòng TP (15); Bộ Tư lệnh TP (20); Công an TP (28); Lực lượng TNXP TP (6); Quận 6 (4); Quận 7 (4); Quận 8 (7); Quận 4 (1); Quận 12 (12); Phú Nhuận (5); Cần Giờ (9); Nhà Bè (2); Bình Chánh (27); Gò Vấp (1).
35	Phao cầm tay	cái	1.500	Lực lượng TNXP TP (1.500).
36	Phao dây	cuộn	141	TP.Thủ Đức (17); Công an TP (9); Quận 8 (65); Quận 12 (20); Bình Chánh (30).
37	Nệm hơi cứu hộ	cái	22	Công an TP (5); Bộ Tư lệnh TP (2); Quận 1 (2); Quận 3 (3); Quận 4 (2); Quận 6 (1); Quận 10 (1); Quận 12 (2); Gò Vấp (1); Bình Chánh (2); Tân Phú (1).
38	Thiết bị phanh cắt thủy lực	bộ	12	Công an TP (6); Gò Vấp (3); Tân Phú (3).
39	Dụng cụ cứu hộ đa năng	bộ	3	Bộ Tư lệnh TP (1); Công an TP (1); Nhà Bè (1).
40	Quần áo bảo hộ	bộ	105	TP.Thủ Đức (65); Bộ Tư lệnh TP (40).
41	Găng tay chuyên dụng	đôi	1.866	Quận 4 (60); Quận 11 (160); Tân Phú (33); Nhà Bè (437); Bình Chánh (6); Gò Vấp (1.170).
42	Nón bảo hộ	cái	4.344	Bộ Tư lệnh TP (60); BCH Bộ đội Biên phòng TP (38); Hội Chữ thập đỏ (78); TP Thủ Đức (530); Quận 1 (145); Quận 4 (305); Quận 6 (50); Quận 8 (69); Quận 10 (50); Quận 11 (330); Quận 12 (2); Bình Tân (158); Hóc Môn (60); Tân Bình (262); Tân Phú (130); Phú Nhuận (200); Gò Vấp (1165); Bình Thạnh (155); Cần Giờ (41); Nhà Bè (462); Bình Chánh (54).
43	Giày bảo hộ	đôi	20	Bộ Tư lệnh TP (20).
44	Bộ đồ chữa cháy	đôi	1.570	Bộ Tư lệnh TP (40); Quận 11 (432); Tân Bình (3); Gò Vấp (1.095)
45	Bộ đồ lặn	bộ	63	BCH Bộ đội biên phòng TP (8); Bộ Tư lệnh TP (20); Công an TP (34); Chi cục Thủy sản (1).

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
46	Ủng cách điện	đôi	15	TP. Thủ Đức (10); Công an TP (4); Lực lượng TNXP TP (1).
47	Ủng cao su	đôi	2.125	TP. Thủ Đức (220); Bộ Tư lệnh TP (40); Công an TP (10); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (145); Quận 1 (200); Quận 4 (70); Quận 6 (50); Quận 7 (460); Quận 8 (5); Quận 10 (80); Quận 11 (164); Bình Tân (168); Bình Thạnh (110); Hóc Môn (20); Tân Bình (20); Nhà Bè (176); Bình Chánh (120); Tân Phú (67).
48	Găng tay cách điện	đôi	16	TP. Thủ Đức (10); Công an TP (6).
49	Ống nhôm	cái	113	TP. Thủ Đức (3); BCH Bộ đội biên phòng TP (6); Công an TP (38); Cảng vụ Hàng hải TP (3); Lực lượng TNXP TP (6); Chi cục Thủy sản (8); Quận 4 (8); Quận 7 (5); Quận 12 (8); Phú Nhuận (5); Gò Vấp (4); Cần Giờ (15); Bình Chánh (4).
50	Bộ dây leo cứu nạn	bộ	59	Bộ Tư lệnh TP (2); BCH Bộ đội biên phòng TP (8); Lực lượng TNXP TP (10); Quận 3 (39).
51	Đèn cứu hộ	cái	112	TP. Thủ Đức (13); BCH Bộ đội biên phòng TP (4); Bộ Tư lệnh TP (5); Công an TP (12); Sở Xây dựng (10); Quận 1 (12); Quận 3 (2); Quận 8 (5); Quận 10 (14); Tân Bình (7); Cần Giờ (7); Bình Chánh (2); Gò Vấp (16).
52	Đèn pin các loại	cái	2.289	TP. Thủ Đức (445); BCH Bộ đội biên phòng TP (1); Công an TP (130); Lực lượng TNXP TP (84); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (22); Sở Xây dựng (2); Quận 1 (41); Quận 3 (19); Quận 4 (119); Quận 6 (4); Quận 7 (414); Quận 8 (12); Quận 10 (44); Quận 11 (66); Quận 12 (58); Bình Tân (97); Hóc Môn (57); Tân Bình (39); Tân Phú (36); Phú Nhuận (5); Gò Vấp (217); Bình Thạnh (5); Nhà Bè (122); Bình Chánh (92).

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
53	Pa lăng	cái	7	Lực lượng TNXP TP (2); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (5).
54	Thang các loại	cái	366	TP.Thủ Đức (54); Bộ Tư lệnh TP (10); Công an TP (10); Lực lượng TNXP TP (2); Quận 1 (12); Quận 3 (19); Quận 4 (21); Quận 8 (15); Quận 10 (75); Quận 11 (24); Quận 12 (4); Hóc Môn (22); Tân Bình (10); Tân Phú (23); Phú Nhuận (18); Gò Vấp (11); Cần Giờ (9); Nhà Bè (15); Bình Chánh (12).
55	Loa phóng thanh cầm tay	cái	907	TP.Thủ Đức (147); BCH Bộ đội biên phòng TP (10); Công an TP (44); Lực lượng TNXP TP (7); Chi cục Thủy sản (2); Quận 1 (20); Quận 4 (46); Quận 6 (32); Quận 7 (48); Quận 8 (21); Quận 10 (29); Quận 11 (32); Quận 12 (23); Bình Tân (7); Hóc Môn (6); Củ Chi (24); Tân Bình (20); Tân Phú (17); Phú Nhuận (2); Gò Vấp (248); Cần Giờ (32); Nhà Bè (37); Bình Chánh (53).
56	Búa các loại	cái	654	TP.Thủ Đức (74); Lực lượng TNXP TP (10); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (19); Sở Xây dựng (1); Quận 1 (99); Quận 3 (5); Quận 4 (24); Quận 7 (12); Quận 8 (23); Quận 10 (34); Quận 11 (58); Quận 12 (13); Bình Tân (11); Hóc Môn (19); Củ Chi (12); Tân Bình (43); Tân Phú (13); Phú Nhuận (80); Gò Vấp (12); Nhà Bè (77); Bình Chánh (5); Công an TP (10).
57	Kềm cộng lực	cái	430	TP.Thủ Đức (32); Công an TP (62); Lực lượng TNXP TP (2); Quận 1 (88); Quận 3 (10); Quận 4 (30); Quận 10 (3); Quận 11 (19); Quận 12 (2); Bình Tân (19); Hóc Môn (16); Củ Chi (3); Tân Bình (25); Tân Phú (9); Phú Nhuận (17); Gò Vấp (4); Cần Giờ (7); Nhà Bè (53); Bình Chánh (29).

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
58	Cuốc và xẻng	cái	2.587	TP.Thủ Đức (233); BCH Bộ đội biên phòng TP (15); Công an TP (214); Lực lượng TNXP TP (20); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (71); Sở Xây dựng (2); Quận 1 (80); Quận 3 (26); Quận 4 (124); Quận 7 (425); Quận 8 (77); Quận 10 (102); Quận 11 (67); Quận 12 (127); Bình Tân (61); Hóc Môn (120); Củ Chi (40); Tân Bình (92); Tân Phú (112); Phú Nhuận (210); Gò Vấp (46); Bình Thạnh (10); Nhà Bè (222); Bình Chánh (206).
59	Xà beng	cái	671	TP.Thủ Đức (86); Công an TP (68); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (24); Quận 1 (11); Quận 3 (18); Quận 4 (26); Quận 7 (60); Quận 8 (29); Quận 10 (37); Quận 12 (18); Bình Tân (85); Hóc Môn (24); Tân Bình (16); Tân Phú (26); Gò Vấp (3); Phú Nhuận (40); Nhà Bè (54); Bình Chánh (46).
60	Dây (thùng, dù)	m	36.625	TP.Thủ Đức (2.900); Công an TP (1.200); Quận 3 (200); Quận 4 (717); Quận 6 (4.300); Quận 7 (5.750); Quận 8 (4.000); Quận 10 (850); Quận 12 (40); Củ Chi (500); Hóc Môn (2.400); Phú Nhuận (2.000); Cần Giờ (2350); Nhà Bè (2.688); Bình Chánh (6.730).
61	Nhà bạt các loại	cái	320	TP.Thủ Đức (20); Bộ Tư lệnh TP (95); Công an TP (63); Lực lượng TNXP TP (5); Cảng vụ Hàng hải TP (3); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (7); Lao động TBXH (7); Quận 3 (2); Quận 4 (17); Quận 7 (14); Quận 10 (6); Quận 11 (2); Quận 12 (4); Bình Tân (1); Củ Chi (4); Hóc Môn (2); Tân Bình (16); Tân Phú (2); Phú Nhuận (5); Cần Giờ (10); Nhà Bè (13); Bình Chánh (18).
62	Cửa sắt cầm tay	cái	148	Công an TP (4); Quận 3 (7); Quận 4 (9); Quận 8 (16); Quận 11 (4); Bình Thạnh (2); Bình Tân (50); Phú Nhuận (10); Nhà Bè (46).

STT	PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
63	Bao đựng cát	cái	52.086	TP.Thủ Đức (10.000); Quận 8 (1.400); Bình Tân (3.845); Hóc Môn (5.400); Tân Bình (10.000); Gò Vấp (9.000); Cần Giờ (2.000); Bình Chánh (9.700); Nhà Bè (741).
64	Túi cứu thương	túi	560	BCH Bộ đội Biên phòng TP (5); Hội Chữ thập đỏ (200); Lực lượng TNXP (1); Quận 1 (48); Quận 3 (2); Quận 4 (4); Quận 7 (10); Quận 8 (78); Quận 10 (9); Quận 11 (11); Tân Phú (17); Gò Vấp (130); Bình Thạnh (26); Nhà Bè (1); Bình Chánh (18).
65	Nẹp cứu thương	cái	750	Hội Chữ thập đỏ TP (200); Quận 8 (312); Quận 10 (31); Quận 11 (147); Tân Bình (25); Tân Phú (23); Bình Chánh (12).
66	Cáng cứu thương	cái	241	BCH Bộ đội Biên phòng TP (3); Công an TP (20); Hội Chữ thập đỏ TP (25); TP Thủ Đức (8); Quận 1 (39); Quận 3 (2); Quận 10 (10); Quận 11 (40); Quận 12 (10); Tân Bình (28); Tân Phú (45); Bình Thạnh (11);
67	Băng ca cứu thương	cái	136	Quận 6 (5); Quận 7 (10); Tân Bình (7); Phú Nhuận (20); Cần Giờ (81); Bình Chánh (13).

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3895/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu
thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 - 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 27 tháng 05 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 2030/STTTT-CNTT ngày 19 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của sở, ban, ngành (Phụ lục 1).

2. Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (Phụ lục 2).

3. Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (Phụ lục 3).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và thực hiện giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Điều 23 Nghị định 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá

các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

- Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Tiếp tục rà soát đối với các thủ tục hành chính chưa đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đề xuất giải pháp khắc phục, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xử lý bất cập bằng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ trong quá trình triển khai “Đề án Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử gắn với đánh giá hài lòng việc giải quyết thủ tục hành chính” hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản đề nghị các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu điều chỉnh các quy định pháp luật phù hợp để triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trong các giai đoạn tiếp theo.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu phương án nhân sự, điều phối thực hiện; định kỳ hàng tháng tổng hợp, báo cáo tiến độ kết quả thực hiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HIỆN
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4
CỦA SỞ, BAN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 3	Mức độ 4
I. SỞ TƯ PHÁP			
1	Thủ tục Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	X	
2	Thủ tục Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	X	
3	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch		X
II. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
4	Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.		X
5	Thủ tục Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung học phổ thông, trung học phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, trường chuyên, trường năng khiếu, các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, tin học, và các đơn vị thuộc trường đại học, cao đẳng đặt ngoài khuôn viên của trường).		X
6	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục		X
7	Thủ tục đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài		X
8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		X

9	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		X
10	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học		X
11	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại		X
12	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	X	
13	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	X	
14	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ		X
III. SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			
15	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.		X
16	Thủ tục Đăng ký hợp đồng cá nhân		X
17	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		X
18	Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa		X
19	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động		X
20	Thủ tục Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài		X
21	Thủ tục Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động		X
22	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	X	
23	Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	X	

24	Thủ tục Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp		X
25	Thủ tục Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công		X
26	Thủ tục Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng		X
IV. SỞ NỘI VỤ			
27	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường		X
28	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội		X
29	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (Cấp tỉnh)		X
30	Thủ tục phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện		X
31	Thủ tục tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố về công trạng và thành tích trong thực hiện nhiệm vụ, công tác		X
32	Thủ tục tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề		X
33	Thủ tục tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích đợt xuất		X
34	Thủ tục tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố đối với công nhân, nông dân, người lao động		X
35	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích dẫn đầu cụm, khối thi đua		X
36	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề		X
37	Thủ tục công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp thành phố”		X
38	Thủ tục công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”		X
39	Thủ tục tặng Cờ Truyền thống của Ủy ban nhân dân thành phố		X

40	Thủ tục tặng Huy hiệu thành phố Hồ Chí Minh		X
41	Thủ tục gắn biển công trình chào mừng các ngày lễ lớn trên địa bàn thành phố		X
42	Thủ tục công nhận gương điển hình tiên tiến cấp thành phố		X
43	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo		X
44	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc (Cấp tỉnh)	X	
45	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực tài liệu lưu trữ (Cấp tỉnh)		X
V. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
46	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	X	
47	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	X	
48	Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Cấp Tỉnh)		X
49	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		X
50	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		X
51	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn		X
52	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (đối với cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm)	X	

53	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (đối với cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm)	X	
54	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, bị thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận) (đối với cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm)	X	
55	Đăng ký công bố hợp quy đối với thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	X	
56	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	X	
57	Xóa đăng ký tàu cá		X
58	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá		X
59	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật		X
VI. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI			
60	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ		X
61	Thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ		X
62	Thủ tục cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ		X
63	Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.		X
64	Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.		X

65	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).		X
66	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).		X
67	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.		X
68	Thủ tục cấp Giấy phép lái xe quốc tế		X
69	Thủ tục cấp mới Giấy phép lái xe		X
70	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		X
71	Thủ tục cấp Giấy phép xe tập lái		X
72	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào		X
73	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.		X
74	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô		X
75	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép		X
76	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	X	

77	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	X	
78	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	X	
79	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	X	
80	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	X	
81	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	X	
82	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	X	
83	Thủ tục xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	X	
84	Thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn		X
85	Cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới (cho phương tiện đi một chuyến, thời hạn tối đa là 60 ngày)		X
VII. SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO			
86	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích		X
87	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích		X
88	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng.		X
89	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao		X
90	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke		X
91	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn		X

92	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		X
93	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X
94	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh		X
95	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu		X
96	Thủ tục triển lãm tác phẩm Nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)		X
VIII. SỞ DU LỊCH			
97	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa		X
98	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành		X
99	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa		X
100	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế		X
101	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa		X
102	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch		X
103	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế		X
104	Thủ tục Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)		X
105	Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch		X
106	Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch		X
IX. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
107	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự	X	

	án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.		
108	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân		X
109	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên		X
110	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		X
111	Đăng ký thành lập công ty cổ phần		X
112	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
113	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
114	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		X
115	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
116	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		X
117	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		X
118	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân		X
119	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần		X
120	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết		X
121	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế		X
122	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
123	Thông báo lập địa điểm doanh (đối với doanh		X

	ng nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
124	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
125	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		X
126	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần		X
127	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		X
128	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		X
129	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn		X
130	Thông báo tạm ngừng kinh doanh		X
131	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo		X
132	Giải thể doanh nghiệp		X
133	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		X
X. SỞ Y TẾ			
134	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X
135	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X
136	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		X
137	Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X
138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X

139	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X
140	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền		X
141	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	X	
142	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế		X
143	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	X	
144	Thủ tục Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	X	
145	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	X	
146	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X	
147	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X
148	Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	X	
149	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.		X
150	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh,		X

	chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
151	Cấp giấy phép hoạt động đối với Bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập		X
152	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X
153	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		X
154	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ		X
155	Cấp lần đầu và Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).		X
156	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc		X
157	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc		X
158	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X	
159	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước		X
160	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm		X

161	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ		X
162	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).		X
163	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		X
164	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X
165	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc		X
166	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.		X
167	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc		X
168	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm		X
169	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.	X	
170	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.	X	
171	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm.		X
172	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế.		X
173	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế loại A.		X
174	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.		X

175	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế		X
176	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D		X
177	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	X	
XI. SỞ TÀI CHÍNH			
178	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách		X
XII. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
179	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Cấp mới, cấp bổ sung)	X	
180	Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	X	
181	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	X	
182	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với công trình cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	X	
183	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 20 m ³ /ngày đêm đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng từ 20 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	X	
184	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X	
185	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	X	

186	Thủ tục xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	X	
187	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	X	
188	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở.	X	
189	Thủ tục Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X	
190	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	X	
191	Thủ tục Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	X	
192	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X	
193	Thủ tục Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	X	
194	Thủ tục Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X	
XIII. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			
195	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		X
196	Thủ tục cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		X
197	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		X
198	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		X

199	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên.		X
200	Thủ tục cấp phép hợp báo		X
201	Thủ tục chấp thuận đề nghị trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài		X
202	Thủ tục cấp phép Hội nghị, Hội thảo quốc tế		X
203	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in		X
204	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in		X
205	Thủ tục xác nhận vào đơn chuyển nhượng sử dụng máy photocopy màu, máy in màu có chức năng photocopy màu		X
206	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh		X
207	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh		X
208	Thủ tục cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm		X
209	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm		X
210	Thủ tục cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài		X
211	Thủ tục cấp phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm		X
212	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính		X
XIV. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
213	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ		X

214	Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (ngoại trừ trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ tỉnh thành nơi đã được cấp giấy chứng nhận sang tỉnh thành khác dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận)	X	
215	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước tại Thành phố		X
216	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	X	
217	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu		X
218	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu		X
219	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	X	
220	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	X	
221	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	X	
222	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)		X
223	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	X	
XV. BAN QUẢN LÝ KHU CHẾ XUẤT - KHU CÔNG NGHIỆP			
224	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài		X
225	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài đối với một số trường hợp đặc biệt		X
226	Cấp lại giấy phép lao động		X
227	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động		X

228	Giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của người sử dụng lao động		X
229	Giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của người sử dụng lao động		X
230	Đăng ký, đăng ký lại Nội quy lao động của doanh nghiệp		X
XVI. BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM			
231	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	X	
232	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	X	
233	Thủ tục đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	X	
234	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	X	
235	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	X	
236	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP)	X	

Phụ lục 2**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HIỆN
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

STT	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 3	Mức độ 4
1	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	X	
2	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	X	
3	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	X	
4	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	X	
5	Thủ tục Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	X	
6	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch (sau đây gọi là các việc hộ tịch khác) của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		X
7	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		X
8	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		X
9	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch		X
10	Thủ tục Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông trung học bán trú và trung tâm học tập cộng đồng).		X
11	Thủ tục thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục		X

12	Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục		X
13	Thủ tục giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.		X
14	Thủ tục thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục.		X
15	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục		X
16	Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục		X
17	Thủ tục đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài		X
18	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã		X
19	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên		X
20	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	X	
21	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ		X
22	Thủ tục Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp		X
23	Thủ tục Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	X	
24	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ hoạt động trong phạm vi quận/huyện, xã/phường/thị trấn.		X
25	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ hoạt động trong phạm vi quận/huyện, xã/phường/thị trấn.		X
26	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cấp huyện		X
27	Thủ tục tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển		X
28	Thủ tục thi tuyển công chức		X
29	Thủ tục thi nâng ngạch công chức		X

30	Thủ tục công nhận phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		X
31	Thủ tục phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		X
32	Thủ tục tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về công trạng và thành tích		X
33	Thủ tục tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề		X
34	Thủ tục tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích đột xuất		X
35	Thủ tục công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”		X
36	Thủ tục công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”		X
37	Thủ tục công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”		X
38	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ		X
39	Thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ		X
40	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”		X
41	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”		X
42	Thủ tục công nhận “Ấp văn hóa”		X
43	Thủ tục công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương		X
44	Thủ tục công nhận lại “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”		X
45	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh		X
46	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		X
47	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh		X
48	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		X

49	Nhóm thủ tục liên thông đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký thuế		X
50	Chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh		X

Phụ lục 3
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HIỆN
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN

STT	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 3	Mức độ 4
1	Thủ tục Đăng ký khai sinh	X	
2	Thủ tục Đăng ký khai tử	X	
3	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh	X	
4	Thủ tục Đăng ký lại khai tử	X	
5	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ	X	
6	Thủ tục Đăng ký khai sinh lưu động	X	
7	Thủ tục Đăng ký khai tử lưu động	X	
8	Thủ tục Đăng ký kết hôn lưu động	X	
9	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X	
10	Thủ tục Đăng ký giám hộ	X	
11	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ	X	
12	Thủ tục Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	X	
13	Thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		X
14	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch		X
15	Thủ tục liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	X	
16	Thủ tục liên thông đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	X	
17	Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	X	
18	Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		X
19	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		X

20	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực hoạt động giáo dục trở lại		X
21	Thủ tục Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng		X
22	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng		X
23	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		X
24	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		X
25	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		X
26	Thủ tục tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về công trạng và thành tích		X
27	Thủ tục tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề		X
28	Thủ tục tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về thành tích đợt xuất		X
29	Thủ tục công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”		X
30	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở		X
31	Thủ tục công nhận “Gia đình văn hóa”		X

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng